

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG BÚK
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 41/2021/DS-ST

Ngày: 25 - 11 - 2021

V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Vân.
- Các Hội thẩm nhân dân:
 1. Ông Y Mung Niê;
 2. Ông Vũ Công Đạt.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Búk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk tham gia phiên tòa: Ông Đinh Quang Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 11 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Búk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2021/TLST-DS ngày 23 tháng 4 năm 2021 về việc *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2021/QĐXXST-DS ngày 08 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị L.
Địa chỉ: Xóm K, thôn N, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.
2. *Bị đơn*: Ông Nguyễn Đức D.
Địa chỉ: Buôn M, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/4/2021, bản tự khai, các biên bản phiên họp, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị L trình bày:

Tôi và ông D do có mối quan hệ quen biết nhau, chúng tôi sau đó cũng đã đăng ký kết hôn vào 29/10/2019 và hiện nay đã ly hôn theo quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 21/2021/QĐST-HNGĐ ngày 24/3/2021 của Tòa án nhân dân huyện K. Trước thời điểm kết hôn và trong thời kỳ hôn nhân tôi có cho ông D ba lần vay tiền:

- Lần 1: Trước thời điểm kết hôn, vào ngày 14/9/2019 dương lịch, ông D có vay tôi số tiền là 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), lãi suất thỏa thuận là 1%/tháng. Hai bên có viết *Giấy vay tiền* cùng ngày, hẹn xong mùa cà phê vào tháng 12/2019 ông D sẽ trả đủ gốc và lãi. Tại phần sau của *Giấy vay tiền* ông D có cam kết chậm nhất là cuối năm tức ngày 30/12/2020 sẽ trả số tiền vay. Ngoài ra, *Giấy vay tiền* lần đầu cũng ghi ngày 14/9/2019 của số tiền vay 10.000.000 đồng nêu trên đã bị xé, còn giấy vay tiền tôi giao nộp cho Tòa án là giấy viết lại cùng về số nợ 10.000.000 đồng. mục đích vay tiền để giải quyết việc riêng của ông D, nay tôi yêu cầu ông D phải trả cho tôi số tiền 10.000.000 đồng còn nợ.

Về lãi suất, yêu cầu ông D phải trả lãi phát sinh được tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 15/4/2021 (ngày làm đơn khởi kiện), với mức lãi là 1%/tháng, số tiền lãi là:

$10.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/tháng \times 01 \text{ năm } 07 \text{ tháng } 01 \text{ ngày} = 1.920.000 \text{ đồng}$ (một triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

- Khoản vay trong thời kỳ hôn nhân gồm:

Lần 1: Vào ngày 02/9/2020 dương lịch, ông D có vay của tôi số tiền 5.500.000 đồng (*năm triệu năm trăm ngàn đồng*), lãi suất thỏa thuận là 0,92%/tháng, số 0,92%/tháng trong giấy nợ này là do tôi viết, vì tôi đi mượn tiền cho ông D nên người ta tính lãi bao nhiêu thì tôi tính lãi lại như vậy khi cho ông D vay. Hai bên có viết giấy tay với nhau, thỏa thuận miệng về thời gian trả nợ là vào cuối mùa cà phê năm 2020, ông D sẽ trả cả gốc và lãi cho tôi, nhưng đến nay chưa trả. Mục đích khoản vay này là để trả nợ riêng của ông D, nay tôi yêu cầu ông D phải trả cho tôi số tiền nợ gốc là 5.500.000 đồng.

Về lãi suất: Tôi yêu cầu ông D phải trả tiền lãi phát sinh từ ngày vay 02/9/2020 đến ngày 15/4/2021 (ngày làm đơn khởi kiện), mức lãi như thỏa thuận là 0,92%/tháng, số tiền lãi là:

$5.500.000 \text{ đồng} \times 0,92\%/tháng \times 07 \text{ tháng } 13 \text{ ngày} = 378.000 \text{ đồng}$.

- Lần 2: Vào ngày 06/9/2020 dương lịch, ông D tiếp tục vay tôi số tiền là 4.500.000 đồng (*bốn triệu năm trăm ngàn đồng*), lãi suất hai bên tự thỏa thuận, không ghi trong giấy vay tiền, hai bên có lập giấy vay tiền viết tay với nhau (viết trên cùng tờ giấy của khoản vay ngày 02/9/2020), thỏa thuận miệng về thời gian trả nợ là cuối mùa cà phê năm 2020 ông D sẽ thanh toán cả gốc và lãi cho tôi, nhưng đến nay ông D vẫn chưa trả cho tôi khoản vay này. Mục đích vay cũng là để trả nợ riêng của ông D, nay tôi yêu cầu ông D phải trả cho tôi số tiền 4.500.000 đồng.

Về lãi suất: Tôi yêu cầu ông D phải trả tiền lãi phát sinh tính từ ngày vay 06/9/2020 đến ngày 15/4/2021 (ngày làm đơn khởi kiện), mức lãi là 10%/năm, lãi được tính là:

$4.500.000 \text{ đồng} \times 10\%/\text{năm} \times 07 \text{ tháng } 09 \text{ ngày} = 270.000 \text{ đồng}.$

Như vậy, tôi yêu cầu ông D phải có nghĩa vụ trả cho tôi tổng số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng) và tổng số tiền lãi của ba lần vay là 2.566.000 đồng. Tổng cộng là 22.566.000 đồng.

Về giấy tường trình và biên nhận ngày 21/11/2020: Giấy này do ông D tự viết, khi đó ông D và tôi đã kết hôn, nhưng do mâu thuẫn nên xác định sẽ ly hôn, ông D có viết giấy này cam kết trả cho tôi số tiền 10.000.000 đồng đã vay vào tháng 9/2019, hẹn sẽ trả đủ vào cuối năm 2020, hạn cuối cùng là ngày 30/12/2020, còn 10.000.000 đồng (gồm 02 khoản vay lần 1, lần 2 vay trong thời kỳ hôn nhân nêu trên) cũng sẽ trả đủ vào cuối năm 2020. Trong giấy này ông D tự sửa thời hạn trả nợ thành cuối năm 2021 nên tôi không đồng ý và tôi sửa lại thành cuối năm 2020.

Tại phiên tòa, bà L xác định đối với số tiền lãi phát sinh từ các khoản vay, do hai bên có tranh chấp nên đề nghị Hội đồng xét xử tính toán theo quy định của pháp luật, được số tiền lãi bao nhiêu thì bà L cũng đồng ý. Bà L không yêu cầu tính lãi phát sinh của các khoản vay kể từ ngày làm đơn khởi kiện đến khi giải quyết xong vụ án.

- Bị đơn ông Nguyễn Đức D trình bày:

Do có quan hệ quen biết, đang trong quá trình tìm hiểu nhau nên vào ngày 14/9/2019 thì tôi có vay của bà L số tiền 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng*), có giấy vay tiền cùng ngày, thỏa thuận mức lãi suất là 1%/tháng, hẹn đến mùa cà phê năm 2019 tôi sẽ trả nợ cho bà L cả gốc và lãi suất, tại trang số 2 của tờ giấy có nội dung bên người vay tiền, tôi có viết các dòng chữ có nội dung tôi công nhận nợ, bà Hoàng Thị L có đưa cho tôi 10.000.000 đồng (*mười triệu đồng chẵn*) tôi cam kết sẽ gửi lại chậm nhất là tháng 12 cuối năm, tức ngày 30/12/2020, tôi có ký và viết tên Nguyễn Đức D tại mục người nhận tiền. Nhưng giấy nợ này đã xé bỏ, do tôi tự tay xé, lý do xé giấy này là do bà L yêu cầu tôi viết di chúc giao cho bà L 10m ngang đất mặt đường quốc lộ 14, dài 50m, tọa lạc tại Buôn Đ, xã C, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, việc viết lại giấy vay tiền này (chứng cứ gốc do bà L cung cấp) là diễn ra sau khi đã kết hôn, nhưng khi xảy ra mâu thuẫn tôi mới viết lại giấy nợ tiền này đối với khoản vay 10.000.000 đồng, ghi nhận số nợ đã vay, để làm rõ việc tài chính, tiền bạc của hai vợ chồng khi đó, thực tế đến nay tôi vẫn chưa trả cho bà L số tiền này.

- Ngày 02/9/2020 tôi có mượn của bà L là 5.500.000 đồng, có viết giấy tay ghi nội dung *D có mượn tiền vợ là Hoàng Thị L số tiền 5.500.000 đồng*, nội dung này do tôi tự tay viết, còn chỗ thể hiện lãi “x 0,92%” thì không phải do tôi viết, vì khoản vay này

không tính lãi. Còn tại mục “*ký tên*” thì chữ ký, chữ viết tên Nguyễn Đức D là do tôi viết và ký tên. Mục đích vay tiền là để sử dụng vào mục đích riêng của tôi.

- Ngày 06/9/2020 tôi có vay thêm bà L số tiền 4.500.000 đồng (bốn triệu năm trăm ngàn đồng) có ghi nội dung “*có nhận thêm 4.500.000 đồng*”; tại mục “*ký tên*” thì tôi ký và ghi tên tôi Nguyễn Đức D. Khoản vay này không có lãi suất, mục đích cũng là để giải quyết việc riêng của tôi.

- Như vậy, qua hai lần vay ngày 02/9/2020 và ngày 06/9/2020 thì tôi có vay bà L tổng cộng là 10.000.000 đồng cộng với khoản vay ngày 14/9/2019 vay 10.000.000 đồng, thì tổng cộng số tiền vay là 20.000.000 đồng.

- Nay bà L khởi kiện yêu cầu tôi trả tổng số tiền nợ gốc và lãi là 22.566.000 đồng (*Hai mươi hai triệu năm trăm sáu mươi sáu ngàn đồng*). Trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, tổng số tiền lãi tạm tính đến ngày 15/4/2021 là 2.566.000 đồng, lãi tính trên từng lần vay, cụ thể:

- Lần vay ngày 14/9/2019 đến ngày 15/4/2021: Số tiền vay 10.000.000 đồng x 1%/tháng x 01 năm 07 tháng 01 ngày = 1.920.000 đồng;

- Lần vay ngày 02/9/2020 đến ngày 15/4/2021: Số tiền vay là 5.500.000 đồng x 0,92%/tháng x 07 tháng 13 ngày = 376.000 đồng;

- Lần vay ngày 06/9/2020 đến ngày 15/4/2021: Số tiền vay 4.500.000 đồng x 10%/năm x 07 tháng 09 ngày = 270.000 đồng.

Qua yêu cầu khởi kiện của bà L thì tôi không đồng ý trả số tiền 10.000.000 đồng theo giấy vay ngày 14/9/2019 vì giấy này đã xé. Đồng ý còn nợ số tiền 10.000.000 đồng qua hai lần vay ngày 02/9/2020 và ngày 06/9/2020 và đồng ý trả nợ số tiền 10.000.000 đồng này cho bà L. Về lãi suất của 02 khoản vay ngày 02/9/2020 và ngày 06/9/2020 do không có thỏa thuận về lãi suất nên tôi không đồng ý trả lãi suất cho bà L.

Đối với giấy tường trình và biên nhận ghi ngày 21/11/2020: Giấy này là do tôi viết, ký tên, nhưng giấy viết sau khi đã vay các khoản tiền nêu trên của bà L. Tôi tự sửa chữa phần nội dung của chữ số năm 2020 thành hạn trả cuối năm 2021, bà L ghi sửa lại thành năm 2020.

Đối với các nội dung khác liên quan đến chiếc xe máy, tiền hư hại các khóa, tiền thuê người lấy bom, di chúc liên quan đến 10 mét đất, nội dung tôi trình bày trong đơn xin trình bày phản kháng ngày 04/5/2021 và đơn những điều mà tôi không chấp nhận của tôi thì tôi không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và của những người tham gia tố tụng.

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS), tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục của phiên tòa sơ thẩm. Nguyên

đơn, bị đơn, người làm chứng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

Về giải quyết nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ đã thu thập, có trong hồ sơ vụ án đủ căn cứ xác định việc bà L nhiều lần cho ông D vay tổng số tiền là 20.000.000 đồng, đã quá hạn trả nợ nhưng ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là vi phạm nghĩa vụ của bên vay nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L để buộc ông phải trả cho bà L tổng số tiền nợ gốc là 20.000.000 đồng.

Về lãi suất, đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L để buộc ông D trả tiền lãi phát sinh từ các khoản vay, mức lãi suất chậm trả tính theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án, quá trình giải quyết người tiến hành tố tụng đã tuân thủ, thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của BLTTDS, các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72 của BLTTDS.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tranh chấp về giao dịch dân sự trong vụ án là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk theo quy định theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS năm 2015.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1] Đối với số tiền vay gốc: Căn cứ lời trình bày thừa nhận của bị đơn, các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ xác định bà L đã 3 lần cho ông D vay tiền, cụ thể: Vào ngày 14/9/2019 dương lịch, ông D có vay bà L số tiền là 10.000.000 đồng, hai bên có viết Giấy vay tiền cùng ngày 14/9/2019, hẹn xong mùa cà phê, chậm nhất vào ngày 30/12/2020 sẽ trả đủ gốc và lãi. Việc ông D cho rằng Giấy vay ngày 14/9/2019 đã bị xé, không đồng ý trả số tiền vay 10.000.000 đồng là không có căn cứ vì việc xác lập lại số tiền nợ này đã được thể hiện tại giấy vay tiền ngày 14/9/2019 do hai bên viết lại trên cơ sở tự nguyện, ghi nhận việc ông D vay tiền, nhận nợ, thực tế ông D vẫn còn nợ số tiền này, chưa trả cho bà L nên việc bà L khởi kiện yêu cầu ông D phải trả số tiền 10.000.000 đồng là có căn cứ.

Về khoản vay ngày 02/9/2020 dương lịch, có vay của bà L số tiền 5.500.000 đồng, hai bên có viết giấy tay với nhau, thỏa thuận miệng về thời gian trả nợ là vào cuối mùa cà phê năm 2020, ông D sẽ trả cả gốc và lãi cho bà L. Tiếp đó vào ngày 06/9/2020 dương lịch, ông D tiếp tục vay bà L số tiền là 4.500.000 đồng, được viết trên cùng tờ giấy của khoản vay ngày 02/6/2020, thỏa thuận miệng về thời gian trả nợ là cuối mùa cà phê năm 2020 ông D sẽ thanh toán cả gốc và lãi cho bà L, nhưng đến nay ông D vẫn chưa trả nợ cho bà L, mục đích các khoản vay đều là để trả nợ riêng của ông D. Quá trình giải quyết vụ án ông D cũng thừa nhận các giấy vay nêu trên đều do ông D ký tên, xác nhận nợ nên việc xác lập giao dịch, thỏa thuận giữa hai bên là tự nguyện, khi quá

hạn thanh toán bà L đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông D không chịu trả tiền là vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản. Nên bà L khởi kiện yêu cầu ông D trả số tiền nợ gốc qua ba lần vay với tổng số tiền nợ gốc 20.000.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[3.2] Về lãi suất: Khoản vay ngày 14/9/2019 dương lịch, hai bên thỏa thuận lãi suất trong hạn là 1%/tháng, thời hạn trả nợ chậm nhất đến ngày 30/12/2020. Tuy nhiên, tại giấy tường trình và biên nhận ngày 20/11/2020 ông D tự ghi thời hạn trả nợ là 30/12/2021, bà L không đồng ý nên bà L ghi lại thành ngày 30/12/2020 là có thật được các bên thừa nhận. Việc bà L yêu cầu ông D phải trả lãi đối với khoản vay này, lãi được tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 15/4/2021 (ngày làm đơn khởi kiện), với mức lãi là 1%/tháng, Hội đồng xét xử thấy rằng, do hai bên có thỏa thuận về lãi suất nên cần chấp nhận yêu cầu tính lãi nhưng cần tính lại lãi suất trong hạn với mức lãi 1%/tháng (tương ứng 12%/năm), tính từ ngày 14/9/2019 đến ngày 30/12/2020 (tương ứng 01 năm 03 tháng 16 ngày = 471 ngày) là phù hợp.

Lãi trong hạn là $10.000.000 \text{ đồng} \times 1\%/\text{tháng} \times 471 \text{ ngày} : 30 = 1.570.000 \text{ đồng}$.

Lãi suất chậm trả: Do hai bên không thỏa thuận về lãi suất chậm trả nên cần tính lãi suất chậm trả từ ngày 01/01/2021 đến ngày 15/4/2021 (ngày làm đơn khởi kiện, tương ứng 03 tháng 14 ngày = 104 ngày), với mức lãi 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng) là phù hợp quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, lãi chậm trả được tính:

$10.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 104 \text{ ngày} : 30 = 287.733 \text{ đồng}$.

Tổng lãi trong hạn, lãi chậm trả là: 1.857.733 đồng.

[3.3] Đối với việc ông D cho rằng 02 khoản vay ngày 02/9/2020 và ngày 06/9/2020 không thỏa thuận về lãi suất nên không đồng ý trả lãi là không có căn cứ vì số tiền vay được dùng vào mục đích riêng, đều thỏa thuận thời gian trả nợ là chậm nhất là ngày 30/12/2020 nhưng do ông D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi của bà L là phù hợp nhưng mức lãi cần được tính lại theo quy định của pháp luật.

Về lãi suất của khoản vay ngày 02/9/2020: Số tiền vay là 5.500.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng về lãi suất không ghi nhận trong giấy nợ, bà L thừa nhận việc bà L tự ghi mức lãi “0,92%” trong giấy nợ và yêu cầu áp dụng mức lãi này để tính lãi suất là không phù hợp. Tại phiên tòa bà L cũng đồng ý tính lại lãi suất theo quy định của pháp luật, nên cần tính lãi chậm trả với mức lãi 10%/năm (tương ứng 0,83%/tháng) là phù hợp, lãi được tính từ ngày 02/9/2020 đến ngày 15/4/2021 (tương ứng 07 tháng 13 ngày = 223 ngày).

$5.500.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 223 \text{ ngày} : 30 = 339.331 \text{ đồng}$.

Về lãi suất của khoản vay ngày 06/9/2020: Số tiền vay 4.500.000 đồng, khi vay hai bên không ghi nhận thỏa thuận về lãi suất trong giấy vay tiền. Hội đồng xét xử thấy rằng do ông D vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu tính lãi chậm trả của bà L là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Lãi được tính từ ngày vay 06/9/2020 đến ngày làm đơn khởi kiện ngày 15/4/2021 (tương ứng 07 tháng 09 ngày = 219 ngày), với mức lãi 10%/năm, tương ứng 0,83%/tháng, lãi được tính:

4.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 219 ngày : 30 = 272.655 đồng.

Tổng số tiền lãi phát sinh từ các khoản vay là 2.469.719 đồng.

[3.4] Từ những phân tích trên có đủ căn cứ xác định, vào ngày 14/9/2019 ông D đã vay số tiền 10.000.000 đồng, ngày 02/9/2020 vay số tiền 5.500.000 đồng, ngày 06/9/2020 vay số tiền 4.500.000 đồng của bà L, tổng cộng là 20.000.000 đồng, việc ông D không thực hiện nghĩa vụ trả nợ là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà L, vi phạm nghĩa vụ trả tiền của bên vay, nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L, buộc ông D phải trả cho bà L tổng số tiền là 22.469.719 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, nợ lãi là 2.469.719 đồng là phù hợp.

[3.5] Đối với các nội dung khác liên quan đến chiếc xe máy, tiền hư hại các khóa, tiền thuê người lấy bom, di chúc liên quan đến 10 mét đất, nội dung ông D trình bày trong đơn xin trình bày phản kháng ngày 04/5/2021 và đơn những điều mà tôi không chấp nhận của ông D thì ông D không có yêu cầu giải quyết trong vụ án này và quá trình giải quyết vụ án ông D không có yêu cầu phản tố nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, trường hợp các bên đương sự có tranh chấp có thể khởi kiện bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] Về án phí: Áp dụng khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Do được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên nguyên đơn bà Hoàng Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, cần hoàn trả lại cho bà L khoản tiền tạm ứng án phí đã nộp là phù hợp.

Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức D phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là phù hợp.

Vì các lý do trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 244, Điều 266, 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 357, 463, 466, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị L

- Buộc bị đơn ông Nguyễn Đức D phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn bà Hoàng Thị L tổng số tiền 22.469.719 đồng, trong đó nợ gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 2.469.719 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được

thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Về án phí: Ông Nguyễn Đức D phải chịu 1.123.485 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Hoàng Thị L số tiền 564.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 60AA/2021/0003532 ngày 22/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Krông Búk;
- Chi cục THADS huyện K;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký, đóng dấu)

Hoàng Văn Vân

